

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 683/2022/HC-PT
Ngày: 29 - 8 - 2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2021/TLPT-HC ngày 25 tháng 6 năm 2021 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2021/HC-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1956 (vắng mặt)

1.2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 33 Tổ 12, đường 3 tháng 2, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Văn K, sinh năm 1962; Địa chỉ: 132/1 đường 3 tháng 2, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 01 đường P, phường P1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Văn Mạnh - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

3.3. Ủy ban nhân dân thành phố V; Địa chỉ: Số 89 L, phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Huy L1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (có mặt)

4. *Người kháng cáo:* Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ủy ban nhân dân thành phố V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 21/4/1998, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 903/1998/QĐ-UB v/v: “phê duyệt kinh phí đền bù và trợ cấp cho 60 hộ, thuộc khu vực phường 10, 11 thành phố V phải giải tỏa, giao đất cho Công ty TNHH M (Công ty M) sử dụng để thanh toán số tiền mà Công ty đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Đợt 6)”, (kèm theo là Bảng tổng hợp kinh phí đền bù có 60 hộ dân, trong đó có gia đình ông Nguyễn Thành C tại số TT 05, diện tích thu hồi 7.751m^2 đền bù $7.462,7\text{m}^2$, số tiền đền bù 243.607.775 đồng). (Gọi tắt là Quyết định 903/1998/QĐ-UB).

Gia đình ông C đến nhận tiền nhưng các cơ quan không chi trả. Từ đó, ông C khiếu nại.

Ngày 27/12/2013, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định 2985/QĐ-UBND v/v hủy bỏ một phần Quyết định số 903/1998/QĐ-UB, với lý do ông Nguyễn Thành C chưa nhận tiền bồi thường.

Ngày 09/02/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 240/QĐ-UBND v/v: “giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành C ngụ tại số 33 Tổ 12 đường 3 tháng 2, phường 11, thành phố V (lần đầu)” (Gọi tắt là Quyết định 240/QĐ-UBND).

Ngày 22/5/2017, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 2541/QĐ-UBND v/v: “phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành C ... theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” (Gọi tắt là Quyết định 2541/QĐ-UBND) và Quyết định số 2542/QĐ-UBND v/v: “phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành C ... theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” (Gọi tắt là Quyết định 2542/QĐ-UBND).

ông C, bà Trừ không đồng ý với nội dung của các Quyết định nói trên, nên ông C, bà Trừ làm đơn khởi kiện ra Tòa án.

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại các buổi đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

* Gia đình ông C sử dụng đất với tổng diện tích 31.891m^2 . Gồm:

+ Diện tích đất được công nhận quyền sử dụng đất là 13.591m², tọa lạc tại tổ 13, khóm P2 (cũ) nay là tổ 12, đường 3/2, phường 11, TP.V. Cụ thể như sau:

- Thửa số 132 (diện tích: 4.300m²); số 142 (diện tích: 2.452m²); số 274 (diện tích: 1.390m²); diện tích 288,3m²; diện tích 9.446m² đất liên quan với Dự án 732, thuộc Tờ bản đồ số 47, Bản đồ địa chính phường 11;

- Thửa số 154 (diện tích: 3.784 m²); số 158 (diện tích: 3.055m²) thuộc Tờ Bản đồ số 45, Bản đồ địa chính phường 11.

Nguồn gốc do gia đình ông C khai phá năm 1980 và nhận chuyển nhượng của ông Phạm T1 bà Nguyễn Thị R, thực hiện việc nộp thuế đất nông nghiệp từ năm 1992-2011; thuế nhà đất (vị trí 4, đường loại 3) từ ngày 05/11/1993 đến năm 2016.

+ Diện tích đã đăng ký nhưng chưa được công nhận quyền sử dụng đất, Nhà nước cho rằng có liên quan đến Dự án 327: 18.300m². Trong đó có 1.390m² thuộc thửa số 274, tờ bản đồ số 47).

* Quá trình thu hồi và bồi thường, hỗ trợ đất của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành các Quyết định thu hồi đất, gồm: Quyết định số: 36/QĐ.UBT ngày 04/1/1997; Quyết định số: 37/QĐ.UBT ngày 04/01/1997; Quyết định số: 39/QĐ.UBT ngày 04/01/1997 và Quyết định số 456/QĐ.UBT ngày 08/3/1997 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó đã thu hồi của hộ ông C với tổng diện tích là 15.763,3m². Trong đó:

+ Diện tích đất được bồi thường là: 14.085m², đã chi trả tiền: 8.012,3m²;

+ Còn lại 7.751m², chỉ tính đền bù 6.072,7m², không tính 288,3m² cho là đất đường đi; 1.390m² cho là đất của Dự án 327 (trong 1.390m² có 230m² đất ở, 1.160m² đất nông nghiệp).

Theo Quyết định số 903/QĐ-UB, ông C được phê duyệt số tiền 243.607.775 đồng. Đối với diện tích 1.390m² (thửa 274) và diện tích 288,3m² không đền bù.

Trước đây gia đình ông C có xin công nhận QSD đất đối với diện tích 1.390m²; 288,3m²; 9.446m². Các diện tích đất này đều có đủ điều kiện được đền bù và yêu cầu chi trả số tiền còn giữ lại (10%), số tiền đã được phê duyệt nhưng chưa chi trả (243.607.775đ). Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không thực hiện vì cho rằng đất có tranh chấp và liên quan đến đất Lâm nghiệp. UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Văn bản 3448/UB-VP ngày 10/9/1999 cho phép chi trả số tiền 204.340.275đ, nhưng ông C vẫn không được nhận 204.340.275đ là tiền đền bù của diện tích: 6.072,7m² đất dù không tranh chấp, không liên quan đất Lâm nghiệp.

Trên cơ sở xác minh của các cơ quan chức năng đã xác định số tiền 204.340.275đ đền bù diện tích đất 6.072,7m² cho ông C là hợp pháp, không có tranh chấp, không liên quan đến đất Lâm nghiệp. Do đó, ngày 27/12/2013 UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số: 2985/QĐ-UBND về

việc hủy bỏ một phần Quyết định 903/1998/QĐ-UB. Với lý do: ông C chưa nhận tiền đền bù.

Ngày 09/02/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 240/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông C với nội dung:

- Thu hồi, hủy bỏ Quyết định 2985/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu v/v thu hồi, hủy bỏ một phần Quyết định số 903/1998/QĐ-UB của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc “phê duyệt kinh phí đền bù và trợ cấp cho 60 hộ, thuộc khu vực phường 10, phường 11, thành phố V phải giải toả, giao đất cho Công ty M sử dụng để thanh toán số tiền mà Công ty đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu”.

- Công nhận nội dung yêu cầu bồi thường theo Quyết định số 903/1998/QĐ-UB của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đã được phê duyệt kinh phí bồi thường nhưng chưa chi trả. Đồng ý bồi thường, hỗ trợ diện tích 6.072,7m² đất nông nghiệp do Nhà nước chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ 100% nhà và vật kiến trúc theo biên bản kiểm kê ngày 28/2/1997 và đồng ý giao 01 lô đất ở mới cho hộ ông Nguyễn Thành C.

- Bác các nội dung khiếu nại như: Ông Nguyễn Thành C yêu cầu bồi thường diện tích 9.279 m² đất nhận khoán theo Chương trình 327, giao 04 lô đất tái định cư và các nội dung khiếu nại khác.

Gia đình ông C không đồng ý với Quyết định này vì:

+ Quyết định 240/QĐ-UBND giải quyết thiếu nhiều khoản hỗ trợ: Ổn định đời sống, đào tạo chuyển đổi ngành nghề, di chuyển.....mà gia đình ông C được hưởng theo quy định của pháp luật.

+ Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22/5/2017 UBND Tp Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2541/QĐ-UBND và Quyết định số 2542/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành C theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”, nên hai quyết định này cũng trái pháp luật, áp dụng giá không đúng pháp luật, không đền bù hoa màu tài sản, diện tích 1.390m², 288,3m²....., không giao đất tái định cư, không xác định thực địa nên xác định sai vị trí đất. Tính toán thiếu các khoản hỗ trợ như: Trợ cấp di chuyển, ổn định đời sống, chuyển đổi ngành nghề..... Riêng Quyết định số 2541/QĐ-UBND được ban hành không đúng thẩm quyền theo Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013.

Từ những trình bày trên cho thấy các cơ quan Nhà nước có lỗi toàn bộ trong việc thu hồi, giao đất, phê duyệt, chi trả tiền đền bù. Do đó phải xác định tính toán bồi thường theo quy định hiện nay cho ông C.

Về giá đất để tính đền bù khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện nay là giá đất cụ thể, tức là giá đất khảo sát trên thị trường.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C và bà Phạm Thị T. Cụ thể là:

- Hủy nội dung: Số thứ tự 5 trong “Bảng tổng hợp kinh phí đền bù công trình thu hồi, giao đất cho Công ty M (đợt 6) tại khu vực phường 10,11 thành phố V”, ký ngày 16 tháng 4 năm 1998; và nội dung số thứ tự 5 trong “Bảng chiết tính công trình thu hồi-giao đất cho Công ty M tại phường 10,11 Tp Vũng Tàu (đợt 6)” ký ngày 16 tháng 4 năm 1998 (kèm theo tờ trình số 372/TT-UB ngày 17 tháng 4 năm 1998 của UBND thành phố V) kèm theo Quyết định số 903/1998/QĐ-UB của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”, giữ nguyên Quyết định 2985/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Hủy Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Hủy Quyết định số 2541/QĐ-UBND và Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND thành phố V.

Đồng thời, yêu cầu Nhà nước bồi thường cho gia đình ông C:

- Diện tích 6.072,7m² đất nông nghiệp, 1.390m² (trong đó 230m² đất ở, 1.160m² đất nông nghiệp), diện tích 7.889m² đất nông nghiệp; 288,3m² đất nông nghiệp do tính toán thiếu.

- Giá tính bồi thường là giá đất thị trường; Vị trí đất theo vị trí thực tế;

- Bồi thường các khoản còn thiếu như: Hoa màu, tài sản....;

- Tính toán các khoản hỗ trợ cho gia đình ông C theo quy định của pháp luật.

- Bố trí tái định cư: 1 suất; giao đất ở mới: 4 suất.

Tuy nhiên, ngày 12/11/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

1. Những vấn đề xin rút yêu cầu khởi kiện:

- a. Hủy nội dung thu hồi đất của ông C trong Danh sách thu hồi đất kèm theo các Quyết định thu hồi đất số 36/QĐ.UBT ngày 04/01/1997; số 37/QĐ.UBT ngày 04/01/1997; số 39/QĐ.UBT ngày 04/01/1997 và số 456/QĐ.UBT ngày 08/3/1997 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- b. Hủy nội dung: Số thứ tự 5 trong “Bảng tổng hợp kinh phí đền bù công trình thu hồi, giao đất cho Công ty M (đợt 6) tại khu vực phường 10,11 thành phố V”, ký ngày 16 tháng 4 năm 1998; và nội dung số thứ tự 5 trong “Bảng chiết tính công trình thu hồi-giao đất cho Công ty M tại phường 10,11 Tp Vũng Tàu (đợt 6)” ký ngày 16 tháng 4 năm 1998 (kèm theo tờ trình số 372/TT-UB ngày 17 tháng 4 năm 1998 của UBND thành phố V) kèm theo Quyết định số 903/1998/QĐ-UB của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”; giữ nguyên Quyết định 2985/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- c. Yêu cầu buộc UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bồi thường, hỗ trợ đối với:

+ Diện tích 7.789m² đất nông nghiệp thuộc 1 phần thửa số 12, tờ bản đồ địa chính số 45, phường 11, thành phố V;

+ Diện tích đất của 10% tiền bồi thường tạm giữ theo biên bản chi trả ngày 19/02/1998;

+ Bồi thường các khoản còn thiếu như: Hoa màu, tài sản.

2. Những vấn đề giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

a. Hủy Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

b. Hủy Quyết định số 2541/QĐ-UBND và Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND thành phố V.

c. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt kinh phí đền bù, thực hiện bồi thường và chính sách hỗ trợ đúng quy định của pháp luật cho gia đình ông C đối với :

+ Diện tích 6.072,7m²; 288,3m² đất nông nghiệp, 1.390m² (trong đó 230m² đất ở, 1.160m² đất nông nghiệp) do tính toán thiếu.

+ Giá tính bồi thường là giá đất thị trường; Vị trí đất theo vị trí thực tế;

+ Tính toán các khoản hỗ trợ cho gia đình ông C theo quy định của pháp luật.

+ Bố trí tái định cư: 1 suất; giao đất ở mới: 4 suất.

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, văn bản ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện, Người bị kiện – Chủ tịch UBND và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày:

Qua xem xét nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Thành C và bà Phạm Thị T, nhận thấy không có căn cứ pháp luật để chấp nhận, bởi những lý do như sau:

* Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và quá trình thu hồi đất:

Diện tích đất ông Nguyễn Thành C đăng ký sử dụng là: 13.591m², gồm:

- Thửa 154 (diện tích: 3.784m²), thửa 158 (diện tích: 3.055m²), tờ bản đồ số 45, Phường 11, thành phố V do gia đình ông C khai phá từ năm 1980.

- Thửa 132 (diện tích: 4.300m²); thửa 142 (diện tích: 2.452m²), tờ bản đồ số 47, Phường 11, thành phố V do nhận chuyển nhượng của ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị R từ năm 1984.

- Diện tích đất nhận khoán theo chương trình 327: 18.300m² đất, lô b1 lb khoảnh n bản đồ trồng rừng (trong đó có diện tích: 1.390m², thửa 274, tờ bản đồ số 47 không đăng ký sử dụng), với các loại giấy tờ sau:

+ Hợp đồng khoán bảo vệ rừng, gây trồng rừng phòng hộ Bãi cát ven biển số 201/HĐK ký ngày 08/6/1995.

+ Sơ đồ vị trí nhận khoán.

+ Biên lai thuê sử dụng đất hàng năm từ năm 1993.

- Tổng diện tích đất thu hồi: 15.763,3m² gồm:

+ Diện tích đất được bồi thường: 14.085m².

+ Diện tích đất không bồi thường: 1.678,3m² gồm: (1.390m² đất do Lâm nghiệp quản lý và 288,3m² đất là đường đi công cộng hiện hữu).

* Việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Thành C:

Lần thứ 1: Thu hồi 2.484m² đất (gồm: 684m² đất thuộc thửa 132, tờ bản đồ số 47 và 1.800m² đất thuộc thửa 154, tờ bản đồ số 45) để thi công đường 51C. Hộ ông C đã được đền bù và đã nhận đủ tiền đền bù theo Quyết định số 1001/QĐ-UB ngày 10/7/1993 của UBND Tỉnh.

Lần thứ 2: Thu hồi 3.604,3m², thửa 132, tờ bản đồ số 47 (diện tích này đang tranh chấp với hộ bà Nguyễn Thị R) để giao cho Công ty M sử dụng theo quy hoạch. Hộ ông C đã được đền bù và đã nhận 90% tiền đền bù (Tiểu ban chỉ đạo thu hồi đất thành phố V tạm giữ lại 10% tiền đền bù để thực hiện thủ tục truy thu thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế trước bạ và các khoản thu khác) theo Quyết định số: 173/QĐ-UB ngày 20/01/1998 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Lần thứ 3: Thu hồi 1.924m² (thửa 154, tờ bản đồ số 45) để giao cho Công ty TNHH T2 sử dụng theo quy hoạch. Hộ ông C đã được bồi thường và đã nhận đủ tiền bồi thường theo Quyết định số: 784/QĐ-UB ngày 07/4/1998 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Lần thứ 4: Thu hồi 7.751m² đất (gồm: 354m² đất thuộc thửa 154, tờ bản đồ số 45; 3.055m² đất thuộc thửa 158, tờ bản đồ số 45; 2.663,7m² đất thuộc thửa 142, tờ bản đồ số 47; 1.390m² đất thuộc thửa 274, tờ bản đồ số 47 và diện tích 288,3m² đất làm đường đi công cộng hiện hữu) đã được phê duyệt kinh phí bồi thường theo Quyết định số: 903/QĐ-UB ngày 21/4/1998 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo Tờ trình số: 07/TT-BCĐTHĐ ngày 11/01/2000 của Ban chỉ đạo thu hồi đất thì thửa 274, tờ bản đồ số 47, diện tích 1.390m² là đất không đăng ký sử dụng do ngành Lâm nghiệp quản lý và diện tích 288,3m² đất đường đi công cộng hiện hữu không được bồi thường.

Do đó, tại Công văn số: 3448/UB-VP ngày 10/9/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho phép chi trả tiền bồi thường với diện tích 6.072,7m² đất (gồm thửa 154, 158, 142) với số tiền bồi thường, hỗ trợ là 204.340.275 đồng. Tại biên bản ngày 16/9/1999 về việc thực hiện chi trả tiền bồi thường cho các hộ thuộc công trình thu hồi giao đất cho Công ty M tại Phường 11, TP Vũng Tàu (theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số: 3448/UB-VP ngày 10/9/1999), trong đó có hộ Nguyễn Thành C nhưng các ban ngành thống nhất: “Đối với hộ Nguyễn Thành C, ngụ 33 tổ 13 P2, Phường 11 chưa tổ chức chi trả đền bù do có tranh chấp cá nhân về QSD đất với bà R (chồng là ông Phạm T1) số tiền là 204.340.275 đồng”.

Tuy nhiên, qua rà soát bản đồ địa chính thì phần đất trên không có tranh chấp mà phần đất tranh chấp là diện tích 3.604,3m², thuộc thửa 132, tờ bản đồ số 47 đã được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ số 173/QĐ-UB ngày 20/01/1998 và ông Nguyễn Thành C đã nhận tiền bồi thường theo quyết định này.

Nhà và vật kiến trúc bị thu hồi nằm trên phần diện tích 1.678,3m² đất do ngành Lâm nghiệp quản lý theo biên bản kiểm kê ngày 28/02/1997 chưa nhận tiền bồi thường.

Hoa màu cây trái: Chủ hộ đã nhận tiền bồi thường.

* Kết quả xác minh cho thấy:

Ngày 29/9/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Tờ trình số: 3915/TTr- STNMT báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh:

- Về diện tích 9.279m² đất nhận khoán bảo vệ rừng, gây trồng rừng phòng hộ theo dự án 327 (trong đó có diện tích: 1.390m² thửa 274, tờ bản đồ số 47):

Đây là phần đất nhận khoán theo chương trình 327, do ngành Lâm nghiệp quản lý, ông C không đăng ký sử dụng và nằm ngoài các quyết định thu hồi đất của hộ ông C. Do đó, căn cứ Điều 6 và Điều 7 của Quyết định số 970/QĐ-UBT ngày 17/8/1995 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định: “không bồi thường diện tích đất không đăng ký sử dụng” thì nội dung yêu cầu nêu trên của ông C là không có cơ sở để chấp nhận.

- Việc ông C đề nghị bồi thường diện tích đất của 10% tiền bồi thường (đã được phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 173/QĐ-UB ngày 20/01/1998 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) mà Tiểu ban chỉ đạo thu hồi đất TP Vũng Tàu tạm giữ theo biên bản chỉ trả ngày 19/02/1998 theo giá hiện hành: Hiện nay, UBND TP Vũng Tàu đang giải quyết tranh chấp phần diện tích đất này giữa ông C với bà Nguyễn Thị R. Vì vậy, đề nghị ông C chờ kết quả giải quyết để chi trả đúng người được thụ hưởng.

- Việc ông C đề nghị bồi thường tại Quyết định số 903/1998/QĐ-UB ngày 21/4/1998 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Không có căn cứ để bồi thường diện tích 230m² đất ở thuộc thửa 274, tờ bản đồ số 47 vì nhà xây dựng trên thửa đất không đăng ký sử dụng do Lâm nghiệp quản lý.

Về nhà và vật kiến trúc do công trình xây dựng trên phần diện tích 1.390m² đất không đủ điều kiện bồi thường đất do Lâm nghiệp quản lý, theo quy định tại khoản d Điều 15 Quyết định số: 970/QĐ-UBT ngày 17/8/1995 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì không được bồi thường.

Tuy nhiên, để tạo điều kiện có nơi ở cho hộ ông C, chấp nhận hỗ trợ 100% nhà và vật kiến trúc theo biên bản kiểm kê ngày 28/02/1997; không bồi thường, hỗ trợ nhà vật kiến trúc phát sinh sau thời gian kiểm kê ngày 28/02/1997.

Như vậy, việc ông C đề nghị bồi thường diện tích: 6.072,7m² đất nông nghiệp là không có cơ sở chấp nhận.

- Về đề nghị giao 01 lô đất tái định cư và 04 lô đất ở mới (04 con đã lập gia đình):

+ Không chấp nhận giao đất ở tái định cư vì nhà ở xây dựng trên đất do ngành Lâm nghiệp quản lý nên không đủ điều kiện giao đất tái định cư theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-UBT ngày 17/8/1995 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Chấp nhận giao đất ở mới cho gia đình ông Nguyễn Thành C do có khó khăn về chỗ ở và có nhu cầu về đất ở. UBND TP Vũng Tàu căn cứ vào quỹ đất ở và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định số lượng lô đất ở được giao khoản 2, Điều 22 Quyết định 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

+ Việc huỷ bỏ Quyết định 2985/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc huỷ bỏ một phần nội dung Quyết định 903/1998/QĐ-UB ngày 21/4/1998 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (huỷ tên ông Nguyễn Thành C và các mục bồi thường, hỗ trợ trong Quyết định 903/1998/QĐ-UB) là đúng quy định.

+ UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại thời điểm ban hành Quyết định số 903/1998/QĐ-UB ngày 21/4/1998 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù và trợ cấp cho 60 hộ, thuộc khu vực Phường 10, 11 thành phố V phải giải tỏa, giao đất cho Công ty M sử dụng để thanh toán số tiền mà Công ty đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đợt 6).

+ Đơn giá bồi thường đất: chính sách bồi thường tại thời điểm phê duyệt kinh phí bồi thường quy định tại Quyết định số: 970/QĐ-UBT ngày 17/8/1995 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, khoản 1 Điều 12 quy định “Đất nông nghiệp sử dụng hợp pháp nếu bị Nhà nước thu hồi để xây dựng các dự án quy hoạch, khi đền bù ngoài việc áp dụng theo bảng giá các loại đất tại quyết định 01/QĐ-UBT ngày 17/01/1995 còn được xét để trợ cấp thêm cho việc di chuyển và thay đổi ngành nghề của hộ có đất bị thu hồi một khoản tiền bằng 40% tiền chuyển mục đích sử dụng đất tính trên diện tích đất thu hồi”. Nên UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tính giá đất bồi thường theo bảng giá do UBND tỉnh quy định hiện hành và hỗ trợ 40% tiền chuyển mục đích sử dụng đất ở tính trên diện tích đất thu hồi.

Nội dung vụ việc đã được UBND tỉnh tổ chức họp và có kết luận tại Thông báo số: 598/TB-UBND ngày 04/11/2016.

Ông Nguyễn Thành C thống nhất với các nội dung giải quyết tại mục số 2 và 4 của Tờ trình nêu trên; đối với nội dung 1 và 3, hộ ông Nguyễn Thành C

không đồng ý, tuy nhiên ông C không đưa ra được tình tiết nào mới làm thay đổi nội dung vụ việc.

Như vậy, việc ông C yêu cầu thu hồi hủy bỏ các Quyết định nêu trên của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xem xét quyết định.

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, văn bản ý kiến, Người bị kiện – Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày:

Hộ ông ông Nguyễn Thành C đăng ký sử dụng diện tích 13.591m², có nguồn gốc như sau:

- Thửa đất số 154 diện tích 3.784m², thửa 158 diện tích 3.055m² tờ bản đồ số 45, phường 11 do gia đình ông C khai phá năm 1980.

- Thửa đất số 132 diện tích 4.300m², thửa 142 diện tích 2.452m² tờ bản đồ số 47, phường 11 do nhận chuyển nhượng của ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị R năm 1984.

Ngoài ra, còn có diện tích đất nhận khoán theo Chương trình 327 là 18.300m² đất, lô b11b khoảnh II bản đồ trồng rừng (trong đó có diện tích 1.390m², thửa 274, tờ bản đồ số 47 không đăng ký sử dụng).

Tổng diện tích đất của hộ ông Nguyễn Thành C bị thu hồi là 15.763,3m² theo (Bản đồ thu hồi đất) gồm:

- Diện tích đất được bồi thường là 14.085m² (trong đó: diện tích đã nhận tiền bồi thường là 8.012,3m², diện tích đã phê duyệt kinh phí bồi thường nhưng chưa chi trả là 6.072,7m² trong đó có 230m² đất ở).

- Diện tích đất không được bồi thường là 1.678m².

Nhà và vật kiến trúc bị thu hồi nằm trên diện tích 1.678m² đất do ngành Lâm nghiệp quản lý theo biên bản kiểm kê ngày 28/2/1997 chưa nhận tiền bồi thường.

Về hoa màu và cây trái hộ ông Nguyễn Thành C đã nhận tiền bồi thường.

Ngày 09/02/2017, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 240/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với khiếu nại của ông Nguyễn Thành C với nội dung:

- Thu hồi, hủy bỏ Quyết định 2985/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu hồi, hủy bỏ một phần Quyết định số 903/1998/QĐ-UB của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù và trợ cấp cho 60 hộ, thuộc khu vực phường 10, phường 11, thành phố V phải giải toả, giao đất cho Công ty M sử dụng để thanh toán số tiền mà Công ty đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

- Công nhận nội dung yêu cầu bồi thường theo Quyết định số 903/1998/QĐ-UB của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đã được phê duyệt kinh phí bồi thường nhưng chưa chi trả. Đồng ý bồi thường, hỗ trợ diện tích 6.072,7m² đất nông nghiệp do Nhà nước chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường,

hỗ trợ 100% nhà và vật kiến trúc theo biên bản kiểm kê ngày 28/2/1997 và đồng ý giao 01 lô đất ở mới cho hộ ông Nguyễn Thành C.

- Bác các nội dung khiếu nại như: Ông Nguyễn Thành C yêu cầu bồi thường diện tích 9.279 m² đất nhận khoán theo Chương trình 327, giao 04 lô đất tái định cư và các nội dung khiếu nại khác.

Ngày 22/5/2017, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2541/QĐ-UBND, số 2542/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành C theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 240/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 03/11/2017, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã chi trả cho ông Nguyễn Thành C số tiền 11.468.358.245 đồng.

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 2541/QĐ-UBND và Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Nguyễn Thành C là thực hiện theo Quyết định số 240/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Thành C. Do đó, việc ông Nguyễn Thành C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2541/QĐ-UBND và Quyết định số 2542/QĐ-UBND của UBND thành phố V là không có cơ sở.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2021/HC-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, quyết định:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143, điểm b khoản 2 Điều 193 luật Tổ tụng hành chính.

- Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai; khoản 1, khoản 2 Điều 6, Điều 13, khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 5 Quy định một số chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ban hành theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C, bà Phạm Thị T:

- Hủy Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Hủy Quyết định số 2541/QĐ-UBND, Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

- Buộc UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt bồi thường diện tích 7.751m² đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Thành C (gồm 7.521 m² đất nông nghiệp và 230m² đất ở); xác định giá đất cụ thể để tính toán bồi thường; xác định vị trí đất thu hồi; áp dụng chính sách bố trí tái định cư và hỗ trợ khi thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Thành C theo đúng quy định pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu của ông Nguyễn Thành C, bà Phạm Thị T:

- Hủy nội dung thu hồi đất của ông C trong Danh sách thu hồi đất kèm theo các Quyết định thu hồi đất số 36/QĐ.UBT ngày 04/1/1997; số 37/QĐ.UBT ngày 04/01/1997; số 39/QĐ.UBT ngày 04/01/1997 và số 456/QĐ.UBT ngày 08/3/1997 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Hủy nội dung STT 5 trong “Bảng tổng hợp kinh phí đền bù công trình thu hồi, giao đất cho Công ty TNHH M (Đợt 6) tại khu vực phường 10,11 thành phố V, và nội dung STT 5 trong “Bảng chiết tính chi tiết công trình thu hồi, giao đất cho Công ty TNHH M tại khu vực phường 10,11 thành phố V (Đợt 6) ký ngày 16 tháng 4 năm 1988 (kèm theo Tờ trình số 372/TT-UB ngày 17 tháng 4 năm 198 của UBND thành phố V) kèm theo quyết định số 903/1998/QĐ-UB ngày 21 tháng 4 năm 1998 của UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu”; giữ nguyên Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;

- Yêu cầu buộc UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bồi thường, hỗ trợ đối với: Diện tích 7.789m² đất nông nghiệp thuộc 1 phần thửa số 12, tờ bản đồ địa chính số 45, phường 11, thành phố V; Diện tích đất của 10% tiền bồi thường tạm giữ theo biên bản chi trả ngày 19/02/1998; Bồi thường các khoản còn thiếu như: Hoa màu, tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 24-26/5/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ủy ban nhân dân thành phố V kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ. Tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên hủy toàn bộ quyết định số 240 là không đúng. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể như sau:

[1.1] Ngày 27/12/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định 2985 về việc hủy bỏ một phần Quyết định 903, phần còn lại của quyết định này đã có hiệu lực về nội dung liên quan đến việc bồi thường cho hộ ông C. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đã cho thấy có liên quan đến phần còn lại có hiệu lực của Quyết định 903. Tuy nhiên, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông C, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá

tính hợp pháp của một phần Quyết định 903 là vi phạm quy định tại Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[1.2] Cũng căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của ông C cho thấy có liên quan đến một phần nội dung của Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc “giải quyết khiếu nại” của ông Nguyễn Thành C. Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của ông C là có cơ sở chấp nhận đối với một phần nội dung của Quyết định số 240, tuy nhiên tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 240 là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự. Thiếu sót này được xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[1.3] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên: *“Buộc Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt bồi thường diện tích đất 7.751 m² đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Thành C, xác định giá đất cụ thể để tính toán bồi thường, xác định vị trí đất thu hồi; áp dụng chính sách bố trí tái định cư và hỗ trợ khi thu hồi đất cho hộ ông C theo quy định của pháp luật...”*.

Việc tuyên như trên là vượt quá thẩm quyền.

[2] Vì những lý do trên, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, những vi phạm này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Do hủy án sơ thẩm, vì vậy đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân thành phố V.

Hủy toàn bộ Bản án số 22/2021/HC-ST ngày 04/05/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ủy ban nhân dân thành phố V mỗi đương sự 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0009889, 0009890 ngày 28/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Chung Văn Kết

Phạm Công Mười